

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN
CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9380106

HÀ NỘI - 2025

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: 1. GS,TS. Vũ Công Giao



2. PGS,TS. Tường Duy Kiên



Phản biện 1: PGS,TS. Nguyễn Hoàng Anh

Đại học Quốc gia Hà Nội

Phản biện 2: PGS,TS. Nguyễn Minh Hằng

Học viện Tư pháp

Phản biện 3: PGS,TS. Đinh Thị Mai

Trường Đại học Đà Lạt

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 14h00 ngày 19 tháng 02 năm 2025

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo quy luật tự nhiên, con người đến độ tuổi nhất định sẽ bị lão hóa, sức khỏe và khả năng lao động suy giảm, thu nhập bị hạn chế, trong khi chi phí khám chữa bệnh lại tăng lên. Nếu như không có tài sản tiết kiệm hay sự hỗ trợ của Nhà nước, cộng đồng và người thân thì một số người cao tuổi có thể gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Bên cạnh đó, nhiều người cao tuổi còn có thể bị cô lập, bị “loại trừ xã hội” - tức là bị mất khả năng tiếp cận việc làm, thu nhập, hay các cơ hội tham gia bình đẳng vào các hoạt động chính trị, xã hội và cộng đồng.

Hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới đang diễn ra quá trình già hóa dân số. Theo Cowgill và Holmes, dấu mốc để đánh giá tình trạng “già hóa dân số” ở một quốc gia là khi số người từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% đến 9,9% tổng dân số, trong đó tỷ lệ 10%-19,9% gọi là dân số “già”, 20%-29,9% gọi là dân số “rất già” và từ 30% trở lên gọi là dân số “siêu già”. Dựa trên những tiêu chuẩn đó, Việt Nam sẽ chính thức bước vào quá trình già hóa dân số từ năm 2026 và thời kỳ dân số già dự đoán sẽ kéo dài trong 28 năm (giai đoạn 2026-2054), tương ứng với tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 10,2% đến 19,9%; tiếp đó là thời kỳ cơ cấu dân số rất già (giai đoạn 2055-2069) tương ứng với tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 20% đến dưới 29,9%. Dự báo số người cao tuổi ở Việt Nam sẽ đạt 17,28 triệu người (chiếm 16,5% tổng dân số) vào năm 2029; 22,29 triệu người (chiếm 20,21% tổng dân số) vào năm 2038; 28,61 triệu người (chiếm 24,88% tổng dân số) vào năm 2049 và 31,69 triệu người chiếm 27,11% tổng dân số vào năm 2069”. Điều này đã, đang và sẽ đặt ra rất nhiều thách thức đối với chính sách an sinh xã hội của nhà nước, đòi hỏi phải nghiên cứu hoàn thiện chính sách, pháp luật về người cao tuổi, trong đó bao gồm chính sách, pháp luật về quyền của người cao tuổi.

Ở cấp độ quốc tế, các quyền của người cao tuổi tuy chưa được tập hợp trong một công ước riêng nhưng đã được nhiều văn kiện nhân quyền quốc tế trực tiếp hoặc gián tiếp ghi nhận và bảo vệ, cụ thể như: Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc năm 1965, Kế hoạch hành động quốc tế Viên về người cao tuổi năm 1991, Tuyên bố về người cao tuổi năm 1992, Tuyên ngôn chính trị và chương trình Hành động Madrit về người cao tuổi năm 2002... Ở Việt Nam, báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: “Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hoà thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau”. Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa”. Trên cơ sở đó, quyền của người cao tuổi cũng đã được ghi nhận tại Hiến pháp 2013, Luật Người cao tuổi 2009, BLLĐ 2019, Luật BHYT 2008 (sửa đổi, bổ sung 2014), Luật BHXH 2014... Tuy nhiên, trong thực tế, hệ thống quy định pháp luật hiện hành của

Việt Nam chưa giải quyết được những vấn đề mới phát sinh liên quan đến quyền của người cao tuổi, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang tiến tới thời kỳ già hóa dân số rất nhanh. Do bất cập, hạn chế của hệ thống pháp luật, rất nhiều thách thức đang đặt ra trong việc bảo đảm một số quyền của người cao tuổi, chẳng hạn như quyền được nuôi dưỡng, quyền được chăm sóc y tế, quyền được có việc làm lại, quyền được sống độc lập và hoà nhập với cộng đồng, quyền sở hữu, quyền an ninh cá nhân, quyền về việc làm, quyền có mức sống thích đáng, quyền về an sinh xã hội, quyền về sức khỏe, quyền được tham gia vào đời sống văn hóa xã hội... mà tựu chung lại, tập trung ở 3 nhóm quyền: Nhóm quyền liên quan đến an sinh xã hội; Nhóm quyền liên quan đến an ninh thu nhập và chống phân biệt đối xử; Nhóm quyền liên quan đến chống lạm dụng đối với người cao tuổi... Trong những năm tới, khi quá trình già hoá dân số tăng nhanh, những thách thức về bảo đảm quyền của người cao tuổi ở Việt Nam sẽ ngày càng lớn hơn nếu như hệ thống pháp luật về vấn đề này chậm được hoàn thiện.

Trong thời gian gần đây đã có một số nghiên cứu về người cao tuổi nói chung, về quyền của người cao tuổi nói riêng được thực hiện ở Việt Nam, nhưng chưa có nghiên cứu nào toàn diện, chuyên sâu về hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về quyền của người cao tuổi. Bên cạnh đó, trong thời gian gần đây Văn phòng Chính phủ đã ban hành một số văn bản pháp luật đưa ra kết luận cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật người cao tuổi 2009 trong thời gian tới. Đây chính là những khoảng trống cho luận án này và các công trình nghiên cứu khác về pháp luật về quyền của người cao tuổi có thể được thực hiện ở Việt Nam trong thời gian tới. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu sinh quyết định chọn vấn đề **“Hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam”** làm đề tài cho luận án tiến sĩ chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, với mong muốn góp phần giải quyết những thách thức đã nêu ở trên, qua đó bảo đảm ngày càng tốt hơn các quyền của người cao tuổi ở Việt Nam phù hợp với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Mục đích của luận án là phân tích làm rõ cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam, từ đó đề xuất và luận chứng những quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án xác định những nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau đây:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, chỉ ra những nội dung luận án có thể kế thừa và xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

Hai là, phân tích làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến đề tài, bao gồm khái niệm người cao tuổi, quyền của người cao tuổi, nội hàm quyền của người cao tuổi, nội dung pháp luật về quyền của người cao tuổi, các yêu cầu, biện pháp và tiêu chí xác định mức độ hoàn thiện của pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam.

Ba là, nghiên cứu khung pháp luật quốc tế và pháp luật một số nước trên thế giới về quyền của người cao tuổi, từ đó rút ra những yêu cầu mà Việt Nam cần tuân thủ và những giá trị có thể tham khảo đối với Việt Nam trong việc hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Bốn là, khái quát quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam từ 1945 đến nay, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về quyền của người cao tuổi của Việt Nam hiện nay để chỉ ra những ưu điểm, hạn chế cần khắc phục và nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế đó; phân tích những yêu cầu đặt ra với việc bảo đảm quyền của người cao tuổi, đặc biệt từ tình trạng già hóa dân số ở Việt Nam.

Năm là, trên cơ sở những vấn đề lý luận và thực trạng đã được làm rõ, xây dựng hệ thống quan điểm khoa học và giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Luận án tập trung nghiên cứu pháp luật về quyền của người cao tuổi tại Việt Nam. Pháp luật quốc tế và pháp luật của một số quốc gia về quyền của người cao tuổi cũng được đề cập và phân tích trong luận án, nhưng chỉ ở mức độ khái quát, nhằm đối chiếu, so sánh với pháp luật Việt Nam.

- Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu khung pháp luật hiện hành của Việt Nam về quyền của người cao tuổi, với trọng tâm là Luật Người cao tuổi năm 2009. Mặc dù khung pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam từ trước năm 2009 đến 1945 cũng được đề cập, phân tích, song chỉ ở mức độ khái quát, nhằm mục đích tham chiếu với khung pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, luận án tập trung phân tích và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về 3 nhóm quyền chính của người cao tuổi, gồm: nhóm quyền liên quan đến an sinh xã hội; nhóm quyền liên quan đến an ninh thu nhập và chống phân biệt đối xử; nhóm quyền liên quan đến chống lạm dụng, bạo lực đối với người cao tuổi. Các quyền khác của người cao tuổi cũng được đề cập nhưng chỉ ở mức độ khái quát, để cho thấy tổng quan khung pháp luật Việt Nam về quyền của người cao tuổi.

- Về thời gian: Luận án nghiên cứu khung pháp luật về quyền của người cao tuổi xuyên suốt từ khi đất nước giành được độc lập (năm 1945) đến nay, tuy nhiên trọng tâm là trong giai đoạn từ năm 2009 (thời điểm ra đời Luật về người cao tuổi) đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản về Nhà nước Việt Nam về nhà nước, pháp luật và quyền con người, quyền công dân.

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác -Lênin làm cơ sở phân tích. Bên cạnh đó, tác giả đồng thời vận dụng một số lý thuyết có liên

quan đến đề tài để định hướng tiếp cận làm rõ các vấn đề nghiên cứu đặt ra, cụ thể bao gồm: Lý thuyết “Công lý như là sự công bằng” (*Justice as Fairness*) của John Rawls, Lý thuyết “tiếp cận dựa trên quyền con người” (*human rights-based approach - HRBA*) do Liên hợp quốc khởi xướng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây để giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu đề ra: Phương pháp thống kê, Phương pháp phân tích, Phương pháp luật học so sánh, Phương pháp tham vấn chuyên gia, Phương pháp tổng hợp.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên ở cấp độ luận án tiến sĩ luật học chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật khảo sát một cách toàn diện và có hệ thống về quyền của người cao tuổi trong pháp luật Việt Nam. Những đóng góp mới của luận án thể hiện ở một số nội dung sau:

- Luận án đã xây dựng khung lý luận tương đối toàn diện về hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam, trong đó đặc biệt là đã xác định được nội hàm quyền của người cao tuổi, nội dung và đặc điểm của pháp luật về quyền của người cao tuổi, các yêu cầu, biện pháp và tiêu chí xác định mức độ hoàn thiện của pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam.

- Từ việc phân tích, đánh giá những ưu điểm và hạn chế của pháp luật Việt Nam về quyền của người cao tuổi, luận án chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng và những vấn đề đang đặt ra cần giải quyết để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

- Luận án đề xuất các quan điểm, giải pháp cụ thể để hoàn thiện khung pháp luật Việt Nam về quyền của người cao tuổi theo hướng phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, xu thế trên thế giới và những yêu cầu thực tiễn về bảo vệ, phát huy nguồn lực người cao tuổi trong bối cảnh già hoá dân số đang diễn ra ở nước ta.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

6.1. Về mặt lý luận

Luận án góp phần củng cố cơ sở lý luận khoa học cho việc hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay. Những luận điểm, đề xuất trong luận án góp phần làm rõ nhiều vấn đề lý luận, thực tế về pháp luật về quyền của người cao tuổi mà trước đó chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa đầy đủ, thấu đáo.

6.2. Về mặt thực tiễn

Luận án là tài liệu tham khảo có giá trị cho các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế trong việc hoàn thiện, và đến mức độ nhất định, cả trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam trong thời gian tới. Bên cạnh đó, luận án còn là một tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy về quyền con người nói chung, quyền của người cao tuổi nói riêng tại những cơ sở đào tạo ngành luật và đào tạo một số ngành khoa học xã hội khác ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận án gồm có 4 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

1.1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về người cao tuổi và già hóa dân số

Tiêu biểu trong nhóm công trình nghiên cứu về nội dung này có thể kể như: Bài nghiên cứu của Bé Quỳnh Nga “*Chiến lược sống của người cao tuổi trước những biến đổi của gia đình nông thôn hiện nay*”, 2015; Báo cáo tóm tắt của Quỹ dân số Liên Hợp Quốc và Tổ chức hỗ trợ người cao tuổi quốc tế về “*Già hóa trong thế kỷ XXI - thành tựu và thách thức*”, 2011; Báo cáo của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) về “*Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam - Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị chính sách*”, 2011; Đề tài của Lê Thị Hồng Phúc, “*Xây dựng trung tâm tư vấn miễn phí cho người cao tuổi (điển cứu tại chùa Diệu Pháp, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh)*”, 2013; Luận án tiến sĩ của Bùi Nghĩa, “*Chính sách đối với người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay*”, 2018; Báo cáo của Tổng cục thống kê “*Dự báo dân số Việt Nam 2014 - 2049*”, 2019; Báo cáo của Quỹ dân số Liên hợp quốc “*Hướng tới chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam*”, 2019; Luận án tiến sĩ của Nguyễn Bích Thuận, “*Bảo đảm tài chính cho hệ thống hưu trí của một số nước Châu Âu và bài học cho Việt Nam*”, 2021...

1.1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về quyền của người cao tuổi

Tiêu biểu trong nhóm công trình nghiên cứu về nội dung này có thể kể như: - Báo cáo của Tổ chức Lao động quốc tế, Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc, “*Bảo đảm thu nhập cho người cao tuổi ở Việt Nam: Lương hưu xã hội - Chính sách tóm tắt*”, 2014; Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Bích Ngọc, “*Bảo vệ, thúc đẩy quyền của người cao tuổi trên thế giới và tại Việt Nam*”, 2015; Sách chuyên khảo của Nguyễn Thị Quế Anh, Vũ Công Giao, Ngô Minh Hương, Lê Khánh Tùng, “*Quyền của người cao tuổi*”, 2018; Bài nghiên cứu của Vũ Công Giao “*Một số vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn về quyền của người cao tuổi*”, 2018; Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Bằng, “*Bảo đảm quyền an sinh xã hội của người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội*”, 2019...

1.1.1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu pháp luật về quyền của người cao tuổi

Tiêu biểu trong nhóm công trình nghiên cứu về nội dung này có thể kể như: Luận án tiến sĩ của Nguyễn Trọng Hà, “*Social Protection: Theories and evidences in Vietnam*” (*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn bảo trợ xã hội ở Việt Nam*), 2009; Bài nghiên cứu của Đỗ Thị Dung, “*Bất cập trong quy định về chế độ bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi ở Việt Nam và kiến nghị sửa đổi*”, 2009; Đề tài nghiên cứu của Đỗ Thị Dung, “*Pháp luật an sinh xã hội đối với người cao tuổi ở Việt Nam - Thực trạng và phương hướng hoàn thiện*”, 2011; Luận văn thạc sĩ của Phùng Thị Vân Anh, “*Pháp luật người cao tuổi và vấn đề bảo vệ người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay*”, 2014; Bài nghiên cứu của Đặng Như Lợi, “*Cải cách Luật BHXH để mở rộng bảo hiểm hưu trí đối với người cao tuổi*”, 2014; Luận văn thạc sĩ của Thân Quang Thái, “*Lao động của người cao tuổi theo pháp luật ở nước ta hiện nay*”, 2016; Đề tài nghiên cứu của Ngô Thị Hương, “*Pháp luật về người cao tuổi và việc bảo vệ người cao tuổi trong gia đình Việt Nam hiện nay*”, 2016; Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thanh Hà, “*Pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay*”, 2017;

Luận văn thạc sĩ của Trần Phương Nga, “*Pháp luật về an sinh xã hội với người cao tuổi và thực tiễn thực hiện tại thành phố Hà Nội*”, 2019; Luận án tiến sĩ của Phạm Thị Thi, “*Hoàn thiện pháp luật về chế độ hưu trí ở Việt Nam*”, 2021; Luận án tiến sĩ của Trần Đức Thắng, “*Người lao động cao tuổi theo pháp luật Việt Nam hiện nay*”, 2023;

1.1.2. Các công trình nghiên cứu nước ngoài

1.1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về người cao tuổi, già hoá dân số và quyền của người cao tuổi

Tiêu biểu trong nhóm công trình nghiên cứu về nội dung này có thể kể như sau: Cuốn sách của Todd D. Nelson “*Ageism: stereotyping and prejudice against older persons*” (*Chủ nghĩa tuổi tác: khuôn mẫu và định kiến đối với người lớn tuổi*), 2002; Cuốn sách của Diego Rodríguez-Pinzón và Claudia Martin với tiêu đề “*The Internatinal Human Rights Status of Elderly Persons*” (*Thực trạng về quyền của người cao tuổi trên phạm vi quốc tế*), 2003; Ấn phẩm của Tổ chức Y tế thế giới (World Health Organization - WHO): “*Older Persons in Emergencies: An Active Ageing Perspective (Nonserial Publication)*” (*Người cao tuổi trong trường hợp khẩn cấp: Quan điểm lão hóa tích cực*), 2009; Cuốn sách của A. Helal W.C. Mann có tiêu đề “*Promoting Independence for Older Persons with Disabilities*” (*Thúc đẩy tính độc lập cho người cao tuổi khuyết tật*), 2009; Cuốn sách của Marthe Fredvang và Simon Biggs với tiêu đề “*The rights of older persons: Protection and gaps under human right law*” (*Bảo vệ quyền của người cao tuổi và những khoảng trống của luật nhân quyền*), 2012; Bài viết của Britta Baer với tiêu đề “*The Right to Health of Older People*” (*Quyền được chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi*), 2016; Cuốn sách của Bridget Lewis, Kelly Purser, Kirsty Mackie có tiêu đề “*Human Right for Older Person*” (*Quyền của người cao tuổi*), 2020

1.1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu pháp luật về người cao tuổi và quyền của người cao tuổi

Cuốn sách của James W, Richard Graves, Carol Mccrory, Wayne Moore có tiêu đề “*Journal of International Aging: Law & Policy, 1995*” (*Tài liệu về già hóa dân số, luật và chính sách*) 1995; Bài viết của HSU và Locknie với tiêu đề “*The Law and the Elderly in Singapore: The Law on Income and Maintenance for the Elderly*” (*Luật và người cao tuổi ở Singapore: Luật thu nhập và nuôi dưỡng người cao tuổi*), 2003; Cuốn sách của Ngân hàng châu Á (Asian Development Bank - ADB), với tiêu đề: “*Social Protection for Older Person - Social Pensions in Asia*” (*Bảo đảm xã hội cho người cao tuổi - Lương hưu xã hội ở Châu Á*), xuất bản năm 2012; Bài viết của Sara Tonolo với tiêu đề “*International Human Rights Law and the Protection of the Elderly in Europe*” (*Luật Nhân quyền quốc tế và việc bảo vệ người cao tuổi ở Châu Âu*), 2018;...

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ TIẾP TỤC ĐƯỢC NGHIÊN CỨU TRONG LUẬN ÁN

1.2.1. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Từ việc tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, có thể thấy việc bảo vệ quyền của người cao tuổi cũng như pháp luật về vấn đề này là những chủ đề đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã nghiên cứu khá chi tiết về người cao tuổi, và đến một mức độ nhất định về

quyền của người cao tuổi, tuy nhiên, những nghiên cứu về pháp luật và hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi còn khá hạn chế, mới chỉ tập trung trong một vài lĩnh vực như an sinh xã hội, y tế và việc làm, bảo hiểm thu nhập, bảo trợ xã hội của người cao tuổi, trong khi đó, pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay cũng đã được nghiên cứu ở cấp độ thạc sỹ, tuy nhiên, những nghiên cứu này còn khá sơ lược. Các công trình nghiên cứu về lý luận và thực tiễn pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam còn thiếu tính tổng quát, toàn diện. Đây chính là những khoảng trống cho luận án này và các công trình nghiên cứu khác về pháp luật về quyền của người cao tuổi có thể được thực hiện ở Việt Nam trong thời gian tới.

1.2.2. Những vấn đề cụ thể tiếp tục được nghiên cứu trong luận án

1.2.2.1. Về mặt lý luận

Trên cơ sở kế thừa, chuẩn chỉnh các quan điểm đã có và bổ sung một số khía cạnh còn thiếu, luận án sẽ xây dựng một khung lý luận hoàn chỉnh về hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi.

1.2.2.2. Về mặt thực tiễn

Trên cơ sở kế thừa những nghiên cứu trong nước, luận án sẽ cập nhật, bổ sung, hoàn thiện cấu trúc và nội dung phân tích để cung cấp một bức tranh toàn diện và rõ ràng về thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam về quyền của người cao tuổi.

1.2.2.3. Về phương hướng, giải pháp

Các nghiên cứu trong nước đã gợi mở một số quy định pháp luật cần sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tốt hơn quyền của người cao tuổi ở Việt Nam. Mặc dù vậy, xét chung, những ý kiến gợi mở còn thiếu tính toàn diện, hệ thống và chưa đủ luận cứ, luận chứng hỗ trợ nên tính tin cậy, thuyết phục hạn chế. Vì vậy, trên cơ sở kế thừa những nghiên cứu hiện có, và kết quả nghiên cứu của luận án ở các Chương 1,2,3, luận án sẽ đề xuất một hệ thống quan điểm, giải pháp toàn diện, dựa trên những cơ sở lý luận, thực tiễn xác thực, về hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền của người cao tuổi, đặc biệt là dựa trên những phân tích, dự báo về quá trình già hóa dân số ở Việt Nam trong những năm tới

1.3. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.3.1. Giả thuyết khoa học

Từ phân tích tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, tác giả xác định giả thuyết khoa học của luận án là:

Pháp luật Việt Nam về quyền của người cao tuổi đã có sự phát triển liên tục từ 1945, đặc biệt kể từ khi Đổi mới (1986). Dù vậy, khung pháp luật Việt Nam về lĩnh vực này vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu về quyền của người cao tuổi trong giai đoạn già hoá dân số hiện nay. Để bảo đảm quyền của người cao tuổi phù hợp với các tiêu chuẩn của luật nhân quyền quốc tế và đáp ứng yêu cầu cấp thiết đặt ra trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra ngày càng nhanh chóng, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về vấn đề này theo hướng tập trung vào một số quyền quan trọng của người cao tuổi như quyền về việc làm lại; quyền được bảo hiểm, bảo trợ xã hội; quyền được chăm sóc, phụng dưỡng; quyền được chăm sóc y tế; quyền được sống độc lập và hoà nhập cộng đồng... Bên cạnh đó, cũng cần củng cố khung pháp luật về nghĩa vụ, trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền của người cao tuổi của một số chủ thể như nhà nước, cộng đồng, con cháu và người thân trong gia đình.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Qua phân tích tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và giả thuyết khoa học, nghiên cứu sinh xác định các câu hỏi nghiên cứu cần giải đáp trong luận án đó là:

- *Quyền của người cao tuổi được bảo đảm trong pháp luật hiện hành của Việt Nam như thế nào?*

- *Những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam trước tác động của già hóa dân số?*

- *Làm thế nào để hoàn thiện pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo đảm quyền của người cao tuổi?*

Kết luận chương 1

Quyền của người cao tuổi và pháp luật về quyền của người cao tuổi là một vấn đề tương đối mới ở nước ta hiện nay. Pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền của người cao tuổi chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ. Các công trình nghiên cứu trong nước có liên quan đến đề tài chủ yếu nghiên cứu về người cao tuổi, già hóa dân số và một số chính sách chung với người cao tuổi, mới chỉ có một số ít công trình khoa học nghiên cứu về bảo đảm quyền của người cao tuổi và pháp luật về bảo đảm quyền của người cao tuổi. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đã đạt được từ các công trình nghiên cứu trước đây, chương này của luận án đã chỉ ra những nội dung mới, những vấn đề chưa được đề cập hoặc đã được đề cập nhưng còn thiếu, chưa rõ, từ đó xác định phương hướng và mục tiêu tiếp tục nghiên cứu đề tài.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI

2.1. KHÁI NIỆM, NỘI HÀM QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của "người cao tuổi"

* **Khái niệm người cao tuổi:** *“Người cao tuổi là nhóm dân số sống đến một độ tuổi nhất định theo pháp luật quốc gia, thông thường từ đủ 60 tuổi trở lên hoặc 65 tuổi trở lên. Người cao tuổi là một trong các nhóm xã hội dễ bị tổn thương, cần được sự quan tâm, bảo vệ, chăm sóc đặc biệt của gia đình, Nhà nước và toàn xã hội”.*

* **Đặc điểm của người cao tuổi:** *Thứ nhất*, người cao tuổi gắn liền với vấn đề sức khỏe bị suy giảm; *Thứ hai*, người cao tuổi bị hạn chế hoặc mất khả năng lao động, trong khi khá nhiều người không đủ khả năng tự bảo đảm về tài chính, trở thành đối tượng nghèo đói và phụ thuộc vào người thân và/hoặc cộng đồng, xã hội; *Thứ ba*, nhiều người cao tuổi trên thế giới thường phải đối mặt với tình trạng lạm dụng, ngược đãi và bạo lực; *Thứ tư*, số lượng nữ giới cao tuổi có xu hướng cao hơn so với nam giới là người cao tuổi, chủ yếu là do phụ nữ thường có tuổi thọ cao hơn nam giới

2.1.2. Khái niệm “quyền của người cao tuổi”

Quyền của người cao tuổi là những nhu cầu, lợi ích vốn có của nhóm xã hội dễ bị tổn thương do tuổi cao; bao gồm những quyền phổ quát mà mọi thành viên trong cộng đồng nhân loại đều được hưởng và những quyền đặc thù mà các nhà nước, xã hội cần bảo đảm riêng hoặc ưu tiên bảo đảm cho người cao tuổi để họ có thể sinh sống hạnh phúc và có cơ hội tiếp tục đóng góp cho gia đình, xã hội.

2.1.3. Nội hàm “quyền của người cao tuổi”

2.1.3.1. Nhóm quyền liên quan đến an sinh xã hội

Quyền được hưởng an sinh xã hội là một quyền cơ bản của người cao tuổi, được áp dụng dựa trên các tiêu chuẩn, quy định của pháp luật, nhằm phòng ngừa, hạn chế và khắc phục rủi ro về sức khỏe và thu nhập đối với người cao tuổi. Nội hàm quyền được hưởng an sinh xã hội của người cao tuổi thường bao gồm: quyền được hưởng chế độ bảo hiểm hưu trí, quyền được chăm sóc y tế, quyền được trợ cấp xã hội (bao gồm cứu trợ xã hội, trợ giúp và ưu đãi xã hội).

2.1.3.2. Nhóm quyền liên quan đến an ninh thu nhập và quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử về việc làm

Quyền liên quan đến an ninh thu nhập là nhóm quyền đảm bảo người cao tuổi được sống ổn định, an toàn thông qua các chính sách, pháp luật thúc đẩy việc làm, bảo vệ tài sản hiện có và trợ cấp từ con cháu trong gia đình, vấn đề sở hữu tài sản của bản thân người cao tuổi. Nội hàm của nhóm quyền liên quan đến an ninh thu nhập bao gồm: quyền được phụng dưỡng, chăm sóc, cấp dưỡng từ người thân trong gia đình; quyền việc làm; quyền sở hữu tài sản của người cao tuổi.

Người cao tuổi có quyền an ninh thu nhập và quyền bình đẳng về việc làm, mà được hiểu qua việc không bị phân biệt đối xử bất công về cơ hội làm việc, không bị loại trừ hay hạn chế, bị làm tổn hại, gây trở ngại tới việc ghi nhận, hưởng thụ và thực hiện quyền về việc làm chỉ vì các yếu tố đặc thù của họ là tuổi tác.

2.1.3.3. Nhóm quyền được bảo vệ khỏi bị lạm dụng người cao tuổi

Người cao tuổi có quyền được bảo vệ an toàn trước hành vi lạm dụng, bỏ mặc, xâm hại tới sức khỏe thể chất và tinh thần của họ, dưới những hình thức như bạo hành thể chất, ngược đãi về mặt tình cảm, lời nói; bỏ mặc, bỏ rơi, lạm dụng tình dục hoặc bóc lột về tài chính xuất phát từ người thân hay bất kỳ từ chủ thể nào khác.

2.2. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ, NỘI DUNG CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI

2.2.1. Khái niệm “pháp luật về quyền của người cao tuổi”, “hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi”

2.2.1.1. Khái niệm “pháp luật về quyền của người cao tuổi”

Pháp luật về quyền của người cao tuổi là một hệ thống các quy tắc xử sự do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và thừa nhận nhằm ghi nhận, bảo vệ, bảo đảm các quyền phổ quát và đặc thù dành cho nhóm người cao tuổi, được bảo đảm thực hiện bởi nhà nước và có tác dụng ràng buộc nghĩa vụ tuân thủ với mọi chủ thể trong xã hội.

2.2.1.2. Khái niệm “hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi”

Hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi là hoạt động mang tính quy luật nhằm phát hiện sự chông chéo, mâu thuẫn, thiếu sót của hệ thống pháp luật để kịp thời loại bỏ, sửa đổi những quy định, văn bản pháp luật không còn phù hợp, đồng thời bổ sung những quy định, văn bản quy phạm pháp luật mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn, có tính đến yếu tố “già hóa dân số”, nhằm thúc đẩy, bảo vệ các quyền của người cao tuổi.

2.2.2. Đặc điểm của pháp luật về quyền của người cao tuổi

Thứ nhất, quyền của người cao tuổi được quy định tại nhiều văn bản pháp luật với những cấp độ khác nhau.

Thứ hai, pháp luật về quyền của người cao tuổi tập trung điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến quyền của người cao tuổi.

Thứ ba, pháp luật về quyền của người cao tuổi chú trọng thúc đẩy sự bình đẳng về cơ hội hưởng thụ quyền của nhóm xã hội này.

Thứ tư, pháp luật về quyền của người cao tuổi xác lập một số quy chế riêng, đặc biệt với người cao tuổi.

Thứ năm, pháp luật về quyền của người cao tuổi thừa nhận và bảo vệ một số quyền đặc thù.

2.2.3. Vai trò của pháp luật về quyền của người cao tuổi

Thứ nhất, pháp luật là công cụ, phương tiện để ghi nhận và bảo vệ quyền của người cao tuổi.

Thứ hai, pháp luật là cơ sở ràng buộc trách nhiệm của gia đình, nhà nước và xã hội trong việc phụng dưỡng, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi.

Thứ ba, pháp luật là công cụ để nhà nước kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tôn trọng, thực hiện, và là cơ sở pháp lý để xử lý những hành vi vi phạm quyền của người cao tuổi trong thực tế.

Thứ tư, pháp luật về quyền của người cao tuổi phản ánh các giá trị xã hội, tính nhân văn, nhân đạo của con người với con người, đảm bảo sự ổn định xã hội.

2.2.4. Nội dung của pháp luật về quyền của người cao tuổi

2.2.4.1. Nhóm quy định về quyền của người cao tuổi

Ở cấp độ quốc gia, pháp luật của các nước, trong đó có Việt Nam, thường có các quy định chung về quyền của người cao tuổi và quy định một số hành vi cấm nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi.

2.2.4.2. Nhóm quy định về chủ thể có nghĩa vụ, trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền của người cao tuổi.

Theo luật nhân quyền quốc tế và pháp luật của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, có nhiều chủ thể có nghĩa vụ, trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền của người cao tuổi, trong đó bao gồm: Nhà nước, gia đình, cá nhân và cộng đồng. Trong số các chủ thể đó, gia đình người cao tuổi có trách nhiệm chính trong việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ, ông bà; cơ quan, tổ chức, cộng đồng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi.

2.2.4.3. Nhóm quy định về cách thức bảo vệ quyền của người cao tuổi.

Theo luật nhân quyền quốc tế và pháp luật của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, người cao tuổi có thể tự bảo vệ quyền và lợi ích của mình bằng sự hiểu biết pháp luật, hoặc thông qua các cơ chế đó có thể là cơ chế hình sự, hành chính, dân sự, hay một cơ chế tư pháp không chính thức.

2.3. NHỮNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THIỆN CỦA PHÁP LUẬT QUỐC GIA VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI

2.3.1. Tính toàn diện, thống nhất, đồng bộ

2.3.2. Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng, phù hợp, khả thi, nhân đạo

2.3.3. Tính tương thích với pháp luật quốc tế

2.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ HOÀN THIỆN CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI

2.4.1. Trình độ nhận thức của xã hội nói chung và các nhà làm luật nói riêng

2.4.2. Xu hướng quốc tế và khả năng tiếp cận với kinh nghiệm pháp luật quốc tế về quyền của người cao tuổi ở một số quốc gia trên thế giới

2.4.3. Yếu tố nguồn lực tài chính, trình độ phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam

2.5. KINH NGHIỆM PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI - GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

2.5.1. Pháp luật quốc tế về quyền của người cao tuổi

(i) *Các công ước và khuyến nghị quốc tế có liên quan đến quyền của người cao tuổi:* Tuyên ngôn nhân quyền phổ quát (UDHR, 1948), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR, 1966), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966), Bình luận chung số 6 về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa của người cao tuổi được Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (CESCR) thông qua năm 1995; Bình luận chung số 19 của Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá, có nội dung về Điều 9 của ICESCR đã trực tiếp đề cập đến quyền an sinh xã hội của người cao tuổi; Khuyến nghị chung số 27 về phụ nữ cao tuổi và các quyền con người của họ, được Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW) thông qua vào năm 2010; Nghị quyết 46/91, có tiêu đề là “Những nguyên tắc của Liên Hợp quốc về người cao tuổi” (*United Nations Principles for Older Persons*), được Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua ngày 16/12/1991;

(ii) *Các văn kiện quốc tế khác có liên quan đến quyền của người cao tuổi:* Nghị quyết 46/91, có tiêu đề là “Những nguyên tắc của Liên Hợp quốc về người cao tuổi” (*United Nations Principles for Older Persons*), được Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua ngày 16/12/1991; Kế hoạch Hành động Viên về Người cao tuổi (*Vienna International Plan of Action on Ageing*) (1983) và Hội nghị thế giới về Người cao tuổi lần thứ 2 thông qua Kế hoạch Hành động Madrid về Người cao tuổi (*The Madrid International Plan of Action on Ageing*) (2002)

(iii) *Thảo luận về việc xây dựng một công ước riêng về quyền của người cao tuổi*

Việc xây dựng công ước nhận được sự ủng hộ rộng rãi của nhiều quốc gia, tổ chức phi chính phủ và Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp quốc. Tuy nhiên, hiện vẫn còn một số vấn đề gây tranh cãi, trong đó đặc biệt là quan điểm cho rằng các quy định của pháp luật quốc gia, khu vực và các chuẩn mực quốc tế về nhân quyền hiện có là đủ để bảo vệ quyền của người cao tuổi.

2.5.2. Pháp luật của một số quốc gia về quyền của người cao tuổi

Trên thế giới, Hàn Quốc, Nhật Bản, Phần Lan, Singapore, Trung Quốc là những quốc gia đầu tiên bước vào thời kỳ già hóa dân số. Thực trạng đó buộc những quốc gia này phải có những điều chỉnh về pháp luật nhằm bảo đảm và thúc đẩy quyền của người cao tuổi cũng như có những giải pháp sử dụng nguồn lao động người cao tuổi. Vì vậy, việc nghiên cứu hệ thống pháp luật của Hàn Quốc, Nhật Bản, Phần Lan, Singapore là

rất hữu ích trong việc rút ra những kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi.

Trung Quốc: Trung Quốc đã ban hành một số đạo luật bảo đảm quyền của người cao tuổi trước tác động của già hóa dân số như Hiến pháp 1982 (sửa đổi, bổ sung năm 2018); Luật của cộng hòa nhân dân Trung Hoa về bảo vệ quyền và lợi ích của người cao tuổi 1996 (sửa đổi, bổ sung 2015), Luật phúc lợi cho người cao tuổi 1991, Luật Bảo hiểm xã hội Trung Quốc 2010.

Hàn Quốc: Hàn quốc đã ban hành một số đạo luật bảo đảm quyền của người cao tuổi trước tác động của già hóa dân số, trong đó tiêu biểu như sau: Hiến pháp của Hàn Quốc 1988, Đạo Luật Y tế quốc gia 2021, Đạo luật bảo hiểm chăm sóc dài hạn dành cho người cao tuổi 2020, Đạo luật thúc đẩy việc làm cho người cao tuổi 2008 (sửa đổi, bổ sung 2020).

Nhật Bản: Hệ thống pháp luật của Nhật Bản cũng có nhiều văn bản và quy định nhằm bảo vệ quyền của người cao tuổi trước tác động của già hóa dân số, tiêu biểu như: Hiến pháp Nhật Bản có hiệu lực từ năm 1947; Luật phòng chống ngược đãi người cao tuổi năm 2005, có hiệu lực 2006; Đạo luật phúc lợi dành cho người cao tuổi 1963 (qua 5 lần sửa đổi, bổ sung, lần sửa đổi gần đây nhất 2013; Luật bảo hiểm chăm sóc dài hạn 1997 (qua 7 lần sửa đổi, bổ sung và sửa đổi, bổ sung gần đây 2013; Luật liên quan đến việc đảm bảo chăm sóc y tế cho người cao tuổi năm 1982 (sửa đổi, bổ sung 2020); Luật ổn định việc làm cho người cao tuổi 1971 (sửa đổi, bổ sung 2000, 2020).

Phần Lan: Phần Lan cũng đã ban hành một số đạo luật về quyền của người cao tuổi, tiêu biểu là: Hiến pháp Phần Lan 1999, Đạo luật phúc lợi xã hội 2014, Đạo luật hỗ trợ chức năng của người cao tuổi và các dịch vụ xã hội và y tế cho người cao tuổi 2012, Đạo luật chăm sóc sức khỏe 2010, Đạo luật về tình trạng quyền của bệnh nhân 1992, Đạo luật bảo hiểm y tế 2004, Đạo luật hưu trí và việc làm lại năm 1993, sửa đổi, bổ sung 2012 (Retirement and Re-employment Act).

Singapore: Singapore cũng đã có một số đạo luật để bảo đảm quyền của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số, tiêu biểu như: Hiến pháp Singapore 1965 (sửa đổi, bổ sung 2020); Luật về nhà ở cho người cao tuổi năm 1988 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Luật Duy trì quan hệ cha mẹ năm 1995 (sửa đổi, bổ sung 1996) (Maintenance of Parents Act 1995); Đạo luật về người trưởng thành dễ bị tổn thương năm 2018 (Vulnerable Adults Act 2018); Đạo luật hưu trí và việc làm lại năm 1993, sửa đổi, bổ sung 2012 (Retirement and Re-employment Act)

2.5.3. Những giá trị tham khảo trong việc hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam

2.5.3.1. Những yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong nội dung pháp luật quốc tế về quyền của người cao tuổi

Việt Nam cũng nên nghiên cứu áp dụng các khuyến nghị đó của Liên hợp quốc để hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền của người cao tuổi của nước mình. Điều này là bởi già hóa là một quá trình tất yếu, đã và đang diễn ra nhanh chóng ở nước ta, đồng thời, sẽ làm tăng thêm uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế - điều mà rất cần thiết trong thời đại toàn cầu hoá và cho quá trình hội nhập quốc tế của nước ta.

2.5.3.2. Những giá trị tham khảo với việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong nội dung pháp luật của một số quốc gia về quyền của người cao tuổi

Một là, tư duy trong xây dựng chính sách làm luật liên quan đến người cao tuổi; *Hai là*, về bảo hiểm chăm sóc dài hạn dành cho người cao tuổi tùy theo từng giai đoạn già hóa dân số; *Ba là*, về việc làm lại cho người cao tuổi; *Bốn là*, về hình thức chăm sóc dài hạn tại nhà; *Năm là*, về chống ngược đãi, lạm dụng người già; *Sáu là*, về việc kinh doanh dịch vụ các Viện dưỡng lão; *Bảy là*, về sự phụng dưỡng đối với cha mẹ; *Tám là*, ban hành luật chuyên biệt về bảo vệ quyền của người cao tuổi.

Kết luận chương 2

Trong chương này, nghiên cứu sinh đã xây dựng khung lý luận về hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi, trong đó bao gồm các khái niệm cơ bản, các nội dung và tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi, cùng với việc xác định khung pháp luật quốc tế và pháp luật của một số quốc gia về quyền của người cao tuổi và những yêu cầu đặt ra cũng như những kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo để hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi.

Chương 3

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

3.1.1. Pháp luật về quyền của người cao tuổi giai đoạn 1946 đến 1986

3.1.1.1. Pháp luật về quyền của người cao tuổi giai đoạn 1946 - 1959

3.1.1.2. Pháp luật về quyền của người cao tuổi giai đoạn 1959 - 1986

3.1.2. Pháp luật về quyền của người cao tuổi giai đoạn 1986 đến nay

3.1.2.1. Pháp luật về quyền của người cao tuổi giai đoạn từ 1986 đến 1992

3.1.2.2. Pháp luật về quyền của người cao tuổi giai đoạn từ 1992 đến 2013

3.1.2.3. Pháp luật về quyền của người cao tuổi giai đoạn từ 2013 đến nay

Tóm lại, trong giai đoạn 1946 - 1986, pháp luật về quyền của người cao tuổi hướng đến nội dung mang tính chất “ưu tiên” đối với người cao tuổi và được thể hiện trong nhiều văn bản pháp luật trên khá nhiều lĩnh vực (chính trị, hôn nhân và gia đình, trợ giúp, cứu trợ xã hội, ưu đãi người có công với cách mạng), tuy nhiên, trong giai đoạn này, pháp luật bắt đầu ghi nhận 3 trụ cột hình thành nên quyền được hưởng an sinh xã hội (hưu trí, trợ cấp xã hội, chăm sóc sức khỏe), quyền được bảo vệ an toàn trước hành vi vi phạm pháp luật bằng pháp luật hình sự, quyền được nuôi dưỡng, phụng dưỡng, cấp dưỡng từ con cháu trong gia đình; quyền bình đẳng, không bị phân biệt đối xử. Trong giai đoạn 1986 đến nay, pháp luật trong giai đoạn này đã có sự phát triển toàn diện về nội dung hướng đến tiệm cận với pháp luật quốc tế về quyền con người nói chung và quyền của người cao tuổi nói riêng. Điểm nhấn trong giai đoạn này đó là Luật người cao tuổi 2009 - một văn bản chuyên biệt về người cao tuổi có hiệu lực và trên cơ sở đó, một loạt bộ luật, đạo luật và văn bản pháp quy khác ra đời tạo nên một hệ thống mang tính thống nhất, đồng bộ của các quy phạm pháp luật về quyền của nhóm xã hội này, hình thành rõ nét hệ thống nhóm

quyền của người cao tuổi và có sự phát triển toàn diện cho tới nay với cách tiếp cận dựa trên quyền đối với người cao tuổi, hay nói cách khác người cao tuổi hiện nay đã và đang trở thành chủ thể tích cực hưởng thụ quyền thay vì vị thế là người tiếp nhận thụ động sự chăm sóc theo quan điểm làm luật trước đó.

3.2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CÁC QUYỀN CƠ BẢN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

3.2.1. Khung pháp luật hiện hành về các quyền cơ bản của người cao tuổi ở Việt Nam

3.2.1.1. Quy định của pháp luật hiện hành về nhóm quyền liên quan đến vấn đề an sinh xã hội

Thứ nhất: Quy định về quyền được hưởng hưu trí của người cao tuổi

Theo pháp luật hiện hành, người cao tuổi được hưởng quyền hưởng hưu trí khi tham gia một trong ba loại hình BHXH, đó là BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện, bảo hiểm hưu trí bổ sung. Điều kiện được hưởng chế độ hưu trí là thời gian tham gia BHXH tối thiểu là 20 năm và đủ tuổi về hưu.

Thứ hai: Quy định về quyền được chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi.

* *Quyền được chăm sóc sức khỏe thân thể của người cao tuổi.* Quyền này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp người cao tuổi dễ dàng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đặc biệt khi họ bị bệnh tật, ốm đau và lâm vào tình trạng đói nghèo. Tại Điều 12 Luật Người cao tuổi 2009, Thông tư số 35/2011/TT- BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế về thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, Luật BHYT 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) và Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 131/2021/NĐ-CP và Nghị định 75/2023/NĐ-CP) có quy định về chăm sóc sức khỏe tại cơ sở khám chữa bệnh và tại cộng đồng, quy định về điều dưỡng chăm sóc tại nhà cho người cao tuổi, quy định điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà, đối tượng được tham gia và hưởng BHYT.

* *Quyền được chăm sóc sức khỏe về mặt tinh thần của người cao tuổi.* Theo pháp luật hiện hành, Nhà nước tạo điều kiện tối đa để người cao tuổi tham gia hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch. Việc xây dựng mới hoặc cải tạo khu chung cư, công trình công cộng khác phải phù hợp với đặc điểm, nhu cầu sử dụng của người cao tuổi. Người cao tuổi khi tham gia giao thông công cộng được giúp đỡ, sắp xếp chỗ ngồi thuận tiện, được giảm giá vé, giá dịch vụ khi sử dụng một số dịch vụ công khác theo quy định của Chính phủ

Thứ ba: Quy định về quyền được trợ cấp, cứu trợ và ưu đãi xã hội của người cao tuổi

Theo pháp luật hiện hành, người cao tuổi chỉ cần đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì sẽ được hưởng quyền trợ cấp xã hội mà không cần đóng bất cứ một khoản phí nào theo Điều 17 Luật Người cao tuổi 2009 và Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định cụ thể các đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội. Về chế độ được hưởng, người cao tuổi tùy vào từng trường hợp sẽ được chi trả một khoản trợ cấp hàng tháng khi sinh sống cùng gia đình, nhằm đảm bảo mức sống tối thiểu (chế độ trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng), chế độ trợ giúp xã hội khẩn cấp. Ngoài ra, còn có các chế độ trợ giúp khác mà theo pháp luật hiện hành người cao tuổi được hưởng, đó là: Chăm sóc, nuôi

đưỡng tại cộng đồng; Chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà ở xã hội; Ưu đãi xã hội

3.2.1.2. Quy định của pháp luật hiện hành về nhóm quyền liên quan đến bình đẳng, chống phân biệt đối xử và an ninh thu nhập của người cao tuổi

Thứ nhất: Quy định của pháp luật hiện hành về quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử của người cao tuổi. Nội hàm quyền này được quy định rất cụ thể, chi tiết tại Điều 16, Hiến pháp 2013: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”. Luật Bình đẳng giới 2006 cũng ghi nhận nam giới và nữ giới không bị phân biệt đối xử ở tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục - đào tạo, gia đình, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, khoa học công nghệ. Trên cơ sở đó, Luật Người cao tuổi 2009 quy định phân biệt đối xử đối với người cao tuổi là một trong bảy hành vi bị cấm trong tất cả các quan hệ xã hội mà người cao tuổi tham gia cũng như trong việc thực hiện tất cả các quyền của người cao tuổi, trong đó đặc biệt là quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền trợ cấp xã hội, quyền việc làm, quyền trong tư pháp hình sự.

Thứ hai: Quy định của pháp luật hiện hành về nhóm quyền liên quan đến an ninh thu nhập của người cao tuổi. Về quyền sở hữu tài sản, theo Khoản 2, Điều 9 Luật Người cao tuổi, hành vi xâm phạm, cản trở người cao tuổi thực hiện quyền về sở hữu tài sản và các quyền hợp pháp khác bị cấm. BLDS 2015 mặc dù không có quy định riêng, nhưng qua các chế định về giám hộ, đại diện, giao dịch dân sự vô hiệu, thừa kế... đã tạo cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền sở hữu tài sản của người cao tuổi: *Một là*, quy định về giám hộ; *Hai là*, quy định về giao dịch dân sự vô hiệu; *Ba là*, quy định về đại diện; *Bốn là*, quy định về thừa kế theo di chúc; *Năm là*, quy định quyền được phụng dưỡng, cấp dưỡng, chăm sóc từ người thân trong gia đình.

Thứ ba: Quy định của pháp luật hiện hành về nhóm quyền làm việc của người cao tuổi. Pháp luật cũng quy định người lao động cao tuổi, do sức khỏe hạn chế, có quyền *thỏa thuận* với người sử dụng lao động về việc rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian. Đặc biệt, pháp luật quy định người sử dụng lao động không được sử dụng người lao động cao tuổi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của họ, trừ trường hợp bảo đảm các điều kiện làm việc an toàn, đồng thời có trách nhiệm quan tâm chăm sóc sức khỏe của người lao động cao tuổi tại nơi làm việc (Điều 148, Điều 149 BLLĐ 2019). Bên cạnh đó, một nhóm đối tượng người lao động đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng lại đủ sức khỏe, đủ trình độ, có nhu cầu cống hiến, pháp luật đã dự liệu vấn đề này thông qua Khoản 4 Điều 169 BLLĐ năm 2019 và Nghị định số 50/2022/NĐ-CP ngày 2/8/2022 về Quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 quy định về tuổi nghỉ hưu.

3.2.1.3. Quy định của pháp luật hiện hành về quyền được bảo vệ khỏi các hình thức lạm dụng người cao tuổi

Pháp luật hiện hành đã có những quy định nhằm bảo vệ người cao tuổi khỏi các hình thức lạm dụng, tiêu biểu như sau: Quyền được trợ giúp pháp lý; Cấm các hành vi lạm dụng người cao tuổi; Bảo vệ người cao tuổi trong pháp luật hình sự

3.2.1.4. Quy định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ và bảo đảm quyền của người cao tuổi

Về trách nhiệm của gia đình: Điều 5 Luật Người cao tuổi 2009 quy định, gia đình người cao tuổi có trách nhiệm chủ yếu trong việc phụng dưỡng người cao tuổi

Về trách nhiệm của Nhà nước: Pháp luật hiện hành quy định cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi

- *Về trách nhiệm của xã hội:* Pháp luật hiện hành có quy định về việc chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng và tổ chức, hoạt động của Hội Người cao tuổi.

3.2.1.5. Quy định của pháp luật hiện hành về cách thức bảo vệ quyền của người cao tuổi

Pháp luật hiện hành quy định những phương thức đa dạng để bảo vệ quyền của người cao tuổi. Phương thức thứ nhất là tự bảo vệ quyền. Phương thức thứ hai là bảo vệ quyền thông qua một chủ thể trung gian là Hội Người cao tuổi, hoặc nhờ luật sư, trợ giúp pháp lý viên...

3.2.2. Những ưu điểm của pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam và nguyên nhân

3.2.2.1. Những ưu điểm của pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam

Thứ nhất, quyền của người cao tuổi được bảo vệ bởi một hệ thống văn bản, quy định pháp luật bao quát nhiều lĩnh vực khác nhau có liên quan đến cuộc sống của người cao tuổi; *Thứ hai*, đối tượng được hưởng quyền của người cao tuổi được pháp luật linh hoạt mở rộng tối đa; *Thứ ba*, pháp luật về quyền của người cao tuổi hướng tới bảo vệ quyền của người cao tuổi một cách toàn diện, phổ cập; *Thứ tư*, pháp luật về quyền của người cao tuổi hướng tới đa dạng hóa các chế độ hưởng thụ nhằm đáp ứng nhu cầu của người cao tuổi nói chung và người cao tuổi thuộc nhóm dễ bị tổn thương “kép”; *Thứ năm*, pháp luật về quyền của người cao tuổi thể hiện tinh thần nhân đạo, nhân văn sâu sắc; *Thứ sáu*, pháp luật về quyền của người cao tuổi đã tạo ra được cơ chế pháp lý bảo vệ quyền của người cao tuổi.

3.2.2.2. Nguyên nhân của những ưu điểm

Thứ nhất, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề quyền con người và đối tượng được hưởng quyền con người là người cao tuổi.

Thứ hai, xuất phát từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Thành tựu của pháp luật về quyền của người cao tuổi bắt nguồn từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam “Uống nước nhớ nguồn”, “Kính lão, trọng thọ”, “Lá lành đùm lá rách”, “Thương người như thể thương thân” và tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của nhân loại như “bình đẳng giới, chống phân biệt đối xử”, bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương “kép”, bảo vệ, bảo đảm các quyền con người nói chung

Thứ ba, bảo vệ, bảo đảm quyền con người nói chung và quyền của người cao tuổi nói riêng là một trong những điều kiện cần để các quốc gia, trong đó có Việt Nam tham gia đầy đủ vào quá trình hội nhập quốc tế

Thứ tư, quy trình sửa đổi, bổ sung pháp luật về quyền của người cao tuổi được thực hiện chặt chẽ, chi tiết, khẩn trương, khoa học kết hợp với công tác tổng kết thực hiện pháp luật về người cao tuổi hàng năm.

3.2.3. Những hạn chế của pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam và nguyên nhân

3.2.3.1. Hạn chế của pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam

* Về quyền hưu trí

- Thiếu lộ trình tăng độ tuổi được hưởng hưu trí sau năm 2035, đặc biệt gắn với giai đoạn già hóa dân số (năm 2049), giai đoạn rất già dân số (2069).

- Thiếu quy định của pháp luật hiện hành về điều chỉnh lương hưu định kỳ theo giá cả thị trường

- Một số quy định pháp luật hiện hành chưa thể hiện sự công bằng, bình đẳng về cơ hội hưởng thụ giữa hai đối tượng tham gia BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện

- Quy định pháp luật về hưu trí trong hình thức tham gia BHXH bắt buộc đối với trường hợp bị suy giảm khả năng lao động hạn chế nhiều trường hợp không thể hưởng quyền hưu trí trên thực tế

- Quy định pháp luật về quỹ BHXH thiếu hợp lý, dẫn đến nguy cơ vỡ quỹ BHXH trước tình hình già hóa dân số.

- Một số quy định pháp luật thiếu tính khả thi, thiếu cơ chế linh hoạt nhằm đảm bảo quyền hưu trí cho người cao tuổi

* Về quyền chăm sóc sức khỏe

- Thiếu quy định pháp luật về lưu trữ dữ liệu chăm sóc sức khỏe của bệnh nhân, quản lý hồ sơ bệnh nhân trên các ứng dụng công nghệ thông tin

- Một số quy định pháp luật thiếu cụ thể. Điều 55, Luật khám chữa bệnh 2009 quy định việc chẩn đoán bệnh, chỉ định phương pháp điều trị và kê đơn thuốc phải dựa trên kết quả khám lâm sàng, kiểm tra cận lâm sàng, kết hợp với yếu tố tiền sử bệnh... Luật khám, chữa bệnh 2023 thay thế Luật khám, chữa bệnh 2009 đã bỏ quy định này nhưng cũng không quy định đối với trường hợp bệnh nhân là người cao tuổi mắc bệnh mãn tính hàng tháng, bao gồm những người không đi được (bị liệt người) có phải đến khám mới được cấp thuốc hay không. Do quy định thiếu cụ thể dẫn đến tình trạng có bệnh nhân già yếu nhưng vẫn phải nhờ con cháu khiêng cáng, đẩy xe lăn đến bệnh viện.

- Thiếu quy phạm pháp luật dành cho đối tượng người cao tuổi cần có sự chăm sóc dài hạn như đột quỵ, bệnh mất trí nhớ, viêm màng não...

- Thiếu quy phạm pháp luật quy định về cơ sở chăm sóc người cao tuổi:

* Về quyền được cứu trợ, trợ cấp, ưu đãi xã hội

- Quy định về mức chuẩn được hưởng trợ cấp hàng tháng của người cao tuổi còn thấp và chưa hợp lý.

- Quy định của pháp luật hiện hành về quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử vẫn còn khiếm khuyết. Trong Luật Người cao tuổi 2009 chưa có quy định cấm các hành vi phân biệt đối xử dựa trên yếu tố tuổi tác, trong khi BLLĐ 2019 đã bổ sung nội dung này tại Khoản 8, Điều 3 với nội dung: “Phân biệt đối xử trong lao động là hành vi phân biệt, loại trừ hoặc ưu tiên dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội, dân tộc, giới tính, **độ tuổi**... mà có tác động làm ảnh hưởng đến bình đẳng về cơ hội việc làm hoặc nghề nghiệp”.

*** Về quyền việc làm của người cao tuổi**

- Quy định tuổi tiếp tục lao động sau nghỉ hưu trong BLLĐ hiện hành chưa hợp lý
- Thiếu quy định pháp luật liên quan đến vấn đề già hóa dân số
- Quy định pháp luật về tăng tuổi nghỉ hưu chưa đủ khuyến khích chủ doanh nghiệp sử dụng người lao động cao tuổi
- Quy định về hợp đồng lao động, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi của người lao động cao tuổi còn thiếu đầy đủ
- Quy định về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người lao động tại nơi làm việc còn mang tính “tuyên ngôn”, thiếu khả thi

*** Về quyền được phụng dưỡng, chăm sóc**

- Thiếu quy định ghi nhận quyền và nghĩa vụ của con dâu, con rể đối với cha mẹ chồng, cha mẹ vợ khi không sống chung
- Thiếu quy định hiệu quả bảo đảm người cao tuổi được phụng dưỡng bởi con cái.
- Thiếu quy phạm pháp luật trong trường hợp người cao tuổi có nhu cầu trả lương khi trông nom cháu
- Chế tài xử lý vi phạm hành chính áp dụng khi có hành vi xâm phạm quyền của người cao tuổi còn thiếu nghiêm khắc, chưa đủ sức răn đe, phòng, chống các hành vi xâm phạm đến quyền của người cao tuổi trong quan hệ HN&GD.

*** Về quyền sở hữu tài sản**

- Quy định về giám hộ người cao tuổi còn thiếu hợp lý
- Thiếu quy định cho phép người cao tuổi yêu cầu con cháu trả lại tài sản đã chuyển quyền sở hữu, tài sản tặng cho vì con cháu không thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng.

*** Về quyền được bảo vệ an toàn trước hành vi ngược đãi, bạo lực, lạm dụng**

- Thiếu quy định về hành vi lạm dụng, bạo lực, ngược đãi và phân loại hành vi lạm dụng, bạo lực, ngược đãi người cao tuổi
- Thiếu quy định pháp luật hình sự để trừng phạt hành vi “lợi dụng việc chăm sóc, phụng dưỡng người cao tuổi để vụ lợi” (khoản 4 Điều 9, Luật Người cao tuổi 2009).

*** Về quyền được trợ giúp pháp lý**

- Thiếu quy định về quyền trợ giúp pháp lý trong Luật Người cao tuổi 2009
- Luật Trợ giúp pháp lý 2017 thiếu quy định về trợ giúp pháp lý miễn phí dành cho đối tượng người cao tuổi là phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định hoặc thu nhập thấp.

3.2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế của pháp luật về quyền của người cao tuổi, trong đó có thể nêu những nguyên nhân cơ bản như sau:

Thứ nhất, do nhận thức thiếu phù hợp của xã hội nói chung và các nhà làm luật về người cao tuổi và quyền của người cao tuổi; *Thứ hai*, do cơ chế xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi còn tồn tại nhiều bất cập; *Thứ ba*, năng lực, trình độ và kỹ năng lập pháp chưa cao; *Thứ tư*, rào cản của văn hóa truyền thống; *Thứ năm*, thiếu nguồn lực, ngân sách, cơ sở vật chất cần thiết; *Thứ sáu*, nhận thức, ý thức của người cao tuổi về quyền của mình còn hạn chế.

Kết luận chương 3

Trong chương này, nghiên cứu sinh đã phân tích quá trình hình thành, phát triển của pháp luật Việt Nam về quyền của người cao tuổi từ năm 1946 cho tới nay, trong đó đặc biệt đi sâu khảo sát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quyền của người cao tuổi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh đã đưa ra những nhận định, đánh giá toàn diện và cụ thể về thực trạng, bao gồm cả những ưu điểm và hạn chế của pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay, cùng những nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế đó.

Chương 4

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VÀ QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1.1. Yêu cầu đặt ra từ tình trạng già hoá dân số ở Việt Nam

4.1.2. Yêu cầu đặt ra từ việc hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế về nhân quyền của Việt Nam

4.2. QUAN ĐIỂM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

4.2.1. Hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam phải trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng về quyền con người nói chung

4.2.2. Hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam phải bảo đảm tính toàn diện, thống nhất, đồng bộ của cả hệ thống pháp luật

4.2.3. Hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam phải bảo đảm tính khoa học, cụ thể, rõ ràng, phù hợp, khả thi với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam

4.2.4. Hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam phải bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam đã tham gia

4.2.5. Hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam gắn liền với nguyên tắc tiếp cận dựa trên quyền

4.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM

4.3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về nội dung các quyền của người cao tuổi

4.3.1.1. Sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành về quyền của người cao tuổi

** Bổ sung một số quy định pháp luật nhằm thúc đẩy quyền chống phân biệt đối xử, quyền việc làm, quyền trợ giúp pháp lý, quyền được an toàn trước hành vi lạm dụng đối với người cao tuổi trong Luật người cao tuổi 2009*

** Bổ sung một số quy định pháp luật nhằm thúc đẩy nhóm quyền liên quan đến bình đẳng, chống phân biệt đối xử và an ninh thu nhập của người cao tuổi*

(i) Bổ sung một số quy định pháp luật nhằm thúc đẩy quyền việc làm của người cao tuổi

Một là, bổ sung quy định pháp luật về cơ chế đánh giá năng lực cán bộ

Hai là, sửa đổi quy định pháp luật về danh mục công việc, ngành nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động cao tuổi

Ba là, bổ sung một số quy định của pháp luật về nội dung, thể thức hợp đồng lao động với người lao động cao tuổi gắn với một số đặc thù về tính chất công việc, yếu tố dễ bị tổn thương khi tham gia thị trường lao động

Bốn là, bổ sung quy định pháp luật về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người lao động cao tuổi tại nơi làm việc trong BLLĐ 2019 với nội dung: “Người sử dụng lao động có trách nhiệm quan tâm chăm sóc sức khỏe của người lao động cao tuổi tại nơi làm việc theo quy định của Bộ luật này và Luật an toàn, vệ sinh lao động 2015”.

Năm là, bổ sung quy định vào BLLĐ năm 2019 với nội dung “không được bố trí người lao động cao tuổi làm việc vào ca đêm nếu không được sự đồng ý của người lao động cao tuổi”, “không được sử dụng lao động là người cao tuổi làm thêm giờ nếu không được sự đồng ý của Người lao động cao tuổi” nhằm bảo vệ sức khỏe - quyền quan trọng nhất của người lao động cao tuổi.

Sáu là, nghiên cứu sửa đổi quy định về độ tuổi được coi là người lao động cao tuổi của nam và nữ ngang bằng nhau, không có khoảng cách như pháp luật hiện hành

(ii) Bổ sung một số quy định pháp luật nhằm bảo vệ, thúc đẩy quyền của người cao tuổi được phụng dưỡng, chăm sóc, cấp dưỡng bởi con cháu.

Thứ nhất, bổ sung quy định pháp luật với nội dung trong trường hợp người cao tuổi có nhu cầu trả lương khi trông nom cháu thì con cháu có nghĩa vụ trả lương hàng tháng theo thỏa thuận cho ông bà, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế tại thời điểm đó của con cháu.

Thứ hai, bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của con dâu, con rể phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc cha mẹ chồng, cha mẹ vợ của mình, đồng thời cha mẹ chồng, cha mẹ vợ cũng có quyền và nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng con dâu, con rể.

(iii) Bổ sung quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền tài sản của người cao tuổi

Thứ nhất, bổ sung quy phạm pháp luật về thứ tự, ưu tiên và các tiêu chuẩn người giám hộ cho người cao tuổi bị mất năng lực hành vi dân sự, trong trường hợp vợ (chồng) của người cao tuổi đã chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

Thứ hai, bổ sung quy định pháp luật trong trường hợp ông bà, cha mẹ chuyển quyền sở hữu tài sản, tặng cho tài sản cho con cháu, được quyền yêu cầu trả lại tài sản chuyển quyền sở hữu, tài sản tặng cho nếu không thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng, chăm sóc, cấp dưỡng cha mẹ, ông bà.

** Bổ sung quy định pháp luật nhằm bảo vệ nhóm quyền liên quan đến vấn đề an sinh xã hội của người cao tuổi*

- Ngoài một số tội được quy định liên quan đến vi phạm quyền của người cao tuổi đã được nêu tại Chương 3 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), cần bổ sung tội danh liên quan đến hành vi “*lợi dụng việc chăm sóc, phụng dưỡng người cao tuổi để vụ lợi*” với mức phạt tù cụ thể nhằm tạo ra tính răn đe đối với hành vi vi phạm.

- Bổ sung quy định pháp luật về điều chỉnh lương hưu định kỳ theo những thay đổi về mức lương đóng góp sang hệ thống tự động điều chỉnh lương hưu thay theo giá trên nên tăng mức lương hưu đóng góp. Bởi vì, việc điều chỉnh lương hưu theo giá có ý nghĩa thiết thực trong việc bảo vệ giá trị thực của lương hưu một cách bền vững, bảo vệ quyền của người cao tuổi một cách thiết thực.

- Bổ sung quy định chủ hộ kinh doanh, những người làm việc theo chế độ linh hoạt vào nhóm đối tượng tham gia BHXH bắt buộc trong Luật BHXH 2014, nhằm thực hiện được mục tiêu bao phủ toàn dân theo tinh thần của Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 23/5/2018.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật BHXH 2014 có liên quan đến mức lương hưu tối thiểu dành cho đối tượng là cán bộ hoạt động không chuyên trách với nội dung mức lương hưu tối thiểu của người hoạt động không chuyên trách cấp xã phải bằng mức lương cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời, bổ sung chế độ bảo hiểm ngắn hạn khác cho nhóm đối tượng này như chế độ thai sản, chế độ ốm đau... ngoài 2 chế độ pháp luật hiện hành quy định đang được hưởng, đó là chế độ hưu trí, chế độ tử tuất. Bên cạnh đó, sửa đổi quy định mức đóng góp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tối thiểu là 22% mức lương cơ sở thay vì quy định mức đóng góp cố định của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 22% mức lương cơ sở (bao gồm cả phần đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động). Những điều này là để thực hiện mục tiêu “xây dựng chính sách BHXH đảm bảo sự công bằng, không phân biệt đối xử giữa các nhóm đối tượng tham gia” tại Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 23/5/2018,

- Sửa đổi quy định của Luật BHXH 2014 về trường hợp bị suy giảm khả năng lao động và đã đủ tiêu chuẩn suy giảm khả năng lao động hoặc không còn khả năng lao động để được hưởng các chế độ BHXH nhưng tại thời điểm đó tham gia BHXH chưa đủ 20 năm thì phải bảo lưu cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu mới được hưởng lương hưu. Hướng sửa đổi là liệt kê một số trường hợp đặc thù như người bị suy giảm khả năng lao động hoặc không còn khả năng lao động là lao động chính trong gia đình hoặc đối tượng này thuộc hộ nghèo, cận nghèo hoặc là người già neo đơn, không nơi nương tựa có thể được hưởng lương hưu mặc dù đóng BHXH chưa đủ 20 năm, có thể quy định đóng BHXH tối thiểu là 15 năm.

- Xây dựng lộ trình tăng tuổi nghỉ hưu nhằm đảm bảo bình đẳng giới theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết, đặc biệt là CEDAW, và để đáp ứng yêu cầu đặt ra của tình trạng già hóa dân số mà trong đó số lượng người cao tuổi nữ lớn hơn số lượng người cao tuổi nam. Có thể điều chỉnh dần sự chênh lệch tuổi nghỉ hưu theo pháp luật giữa nam giới và nữ giới từ 5 năm xuống 2 năm và trong tương lai tiến tới quy định độ tuổi nghỉ hưu của nam giới và nữ giới là như nhau.

- Bổ sung quy định mức đóng tối thiểu và tối đa khi người lao động và người sử dụng lao động tham gia chương trình hưu trí bổ sung nhằm có nguồn tài chính tối thiểu để duy trì hoạt động của quỹ, đồng thời, hạn chế tăng khoảng cách giàu - nghèo.

- Hoàn thiện quy định pháp luật về ưu đãi thuế dành cho người sử dụng lao động và người lao động tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện theo hướng tách riêng

phần chi phí được miễn trừ với các khoản đóng góp. Trên cơ sở đó, các bên tham gia chương trình hưu trí bổ sung sẽ thấy rõ được ưu đãi cụ thể về thuế như thế nào, cũng sẽ là nguồn động lực để nhóm đối tượng này quyết định có tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung tự nguyện hay không.

- Bổ sung quy định vào Luật khám chữa bệnh 2023 đối với trường hợp bệnh nhân là người cao tuổi mắc bệnh mãn tính hàng tháng, không đi được (bị liệt người) thì có thể đưa đơn thuốc 3-6 tháng 1 lần tùy vào trình trạng sức khỏe.

- Bổ sung quy định về phân loại các cơ sở trợ giúp xã hội cho người cao tuổi vào Nghị định 103/2017/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội nhằm nâng cao chất lượng và sự hưởng thụ quyền dành cho người cao tuổi. Khuyến khích thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội cho người cao tuổi như Viện dưỡng lão đặc biệt cho người khuyết tật nặng, các loại bệnh cần chăm sóc dài hạn, Viện dưỡng lão chi phí thấp, Viện dưỡng lão dành cho người cao tuổi với đầy đủ các dịch vụ, cả ở khu vực tư và khu vực công, trong đó, khu vực công hướng tới các đối tượng cần được bảo trợ xã hội, khu vực tư hướng tới tất cả nhóm người cao tuổi với các dịch vụ đa dạng phù hợp với từng mức tài chính khác nhau nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của người cao tuổi.

- Bổ sung quy định điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng của nhóm người cao tuổi phù hợp với sự thay đổi của chỉ số giá sinh hoạt và mức sống tối thiểu của người cao tuổi ở từng vùng, miền, thành thị, nông thôn hay dân tộc thiểu số. Hiện tại, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội ngày 15 tháng 03 năm 2021 về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội còn thiếu quy định này.

- Bổ sung điểm a, Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định cụ thể các đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội có tính đến yếu tố về giới với nội dung sau: a) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; người cao tuổi là nữ giới thuộc cận nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ phụng dưỡng và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội; người cao tuổi là nữ giới thuộc cận nghèo, không có thu nhập, không có việc làm và mắc bệnh mãn tính nặng.

** Bổ sung quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền được bảo vệ khỏi các hình thức lạm dụng người cao tuổi*

- Bổ quy định về phạt tiền người thân có hành vi bạo lực với người cao tuổi trong Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2021 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội vì không có ý nghĩa răn đe, giáo dục. Thay vào đó, bổ sung quy định về trách nhiệm của các cơ quan tổ chức (UBND cấp xã, Hội Người cao tuổi, Hội phụ nữ) trong phạm vi trách nhiệm của mình có nghĩa vụ thăm hỏi thường xuyên, có cơ chế kiểm tra đột xuất và định kỳ để kiểm tra tình hình người cao tuổi trong xã hội và gia đình, qua đó ngăn chặn, hỗ trợ và can thiệp nhằm đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi bị

lạm dụng, bạo lực. Một số chế tài có thể bổ sung như gửi thông báo xử lý vi phạm về cơ quan nơi người có hành vi bạo lực, lạm dụng đang công tác; dán thông báo xử lý vi phạm tại các bảng tin ở các khu phố nơi người có hành vi lạm dụng, bạo lực đang cư trú; buộc người vi phạm thực hiện nghĩa vụ lao động công ích (buộc làm công tác chăm sóc người cao tuổi, có thể tại các địa điểm như Nhà dưỡng lão, Bệnh viện lão khoa) trong một thời gian nhất định..

4.3.1.2. Xây dựng Nghị định cụ thể hoá và hướng dẫn thi hành quy định cấm phân biệt tuổi tác trong việc làm và thúc đẩy việc làm dành cho người cao tuổi trong giai đoạn già hóa dân số trong Bộ luật Lao động năm 2019

4.3.1.3. Xây dựng Nghị định duy trì sự phụng dưỡng con cái đối với cha mẹ

4.3.1.4. Bổ sung quy định về bảo hiểm chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi vào Luật bảo hiểm xã hội năm 2014, tiến tới xây dựng Luật bảo hiểm chăm sóc dài hạn dành cho người cao tuổi trong giai đoạn “rất già” dân số

4.3.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về cơ chế bảo đảm thực thi các quyền của người cao tuổi

4.3.2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, xây dựng văn hóa tôn trọng, bảo vệ quyền của người cao tuổi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và người cao tuổi

4.3.2.2. Hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể có trách nhiệm bảo vệ, bảo đảm quyền của người cao tuổi

4.3.2.3. Thay đổi tư duy của toàn xã hội, các nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách về vai trò, vị thế của người cao tuổi và quyền của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số

4.3.2.4. Hợp tác quốc tế trong xây dựng pháp luật về quyền của người cao tuổi

4.3.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, khiếu nại, tố cáo trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền của người cao tuổi

4.3.2.6. Huy động các nguồn lực để xây dựng hệ thống lương hưu, trợ cấp xã hội, hệ thống chăm sóc sức khỏe đủ đáp ứng với nhu cầu của người cao tuổi trước tình trạng già hóa dân số

4.3.2.7. Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe, tiến hành xây dựng và mở rộng các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi với sự tham gia tích cực, chủ động của mọi thành phần xã hội và nâng cao năng lực quốc gia về chăm sóc người cao tuổi

4.3.2.8. Thực hiện các biện pháp thiết thực nhằm đảm bảo người cao tuổi có việc làm khi có nhu cầu

4.3.2.9. Cải cách thủ tục hành chính theo hướng thuận tiện, nhanh gọn và lấy quyền của người cao tuổi làm trung tâm

4.3.2.10. Triển khai thí điểm hệ thống bảo hiểm chăm sóc dài hạn người cao tuổi

4.3.2.11. Phát triển cơ sở hạ tầng cũng cần phải hướng đến việc đảm bảo người cao tuổi được cung cấp một môi trường thân thiện cho phép họ có được cuộc sống đầy đủ.

4.3.2.12. Giải pháp thúc đẩy quyền của người cao tuổi chống lại sự cô đơn, cô lập, “loại trừ xã hội”.

Kết luận chương 4

Trong chương này, nghiên cứu sinh đã phân tích những yêu cầu đặt ra với việc hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi, nêu ra các quan điểm hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh đã đề xuất một hệ thống giải pháp toàn diện nhằm hoàn thiện cả thể chế và thiết chế pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay

KẾT LUẬN

1. Quyền của người cao tuổi là những nhu cầu, lợi ích vốn có của nhóm xã hội dễ bị tổn thương do tuổi cao; bao gồm những quyền phổ quát mà mọi thành viên trong cộng đồng nhân loại đều được hưởng và những quyền đặc thù mà các nhà nước, xã hội cần bảo đảm riêng hoặc ưu tiên bảo đảm cho người cao tuổi để họ có thể sinh sống hạnh phúc và có cơ hội tiếp tục đóng góp cho gia đình, xã hội. Hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi là hoạt động mang tính quy luật nhằm phát hiện sự chông chéo, mâu thuẫn, thiếu sót của các hiện tượng pháp luật để kịp thời loại bỏ những quy định, văn bản pháp luật không còn phù hợp, đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định, văn bản pháp luật mới phù hợp với thực tiễn, có tính đến yếu tố “già hóa dân số” nhằm thúc đẩy, bảo vệ quyền của người cao tuổi.

2. Giai đoạn từ Đổi mới (1986) đến nay là thời kỳ có sự phát triển vượt bậc của hệ thống pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam, trong đó việc ban hành một đạo luật chuyên biệt về người cao tuổi (Luật Người cao tuổi 2009) là một minh chứng và một số bộ luật, luật, văn bản dưới luật liên quan.

3. Quy chiếu trong hệ thống nhóm quyền của người cao tuổi, nhìn chung, pháp luật về quyền của người cao tuổi đã và đang hướng tới bảo vệ quyền của người cao tuổi một cách phổ cập, đa dạng hóa các chế độ hưởng thụ nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhóm người cao tuổi, bao gồm những người cao tuổi thuộc nhóm dễ bị tổn thương “kép”. Tuy nhiên, pháp luật về quyền của người cao tuổi của Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế trên tất cả các nhóm nội dung đã nêu, trong đó đặc biệt là các nhóm nội dung liên quan đến vấn đề an sinh xã hội; an ninh thu nhập và chống lạm dụng người cao tuổi.

4. Để giải quyết những tồn tại, hạn chế của pháp luật hiện hành về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam, cần áp dụng đồng thời một số giải pháp, trong đó ngoài các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế trong pháp luật về an sinh xã hội, an ninh thu nhập và chống lạm dụng người cao tuổi, còn cần củng cố các quy định về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội và cơ chế giám sát, báo cáo, xử lý vi phạm quyền của người cao tuổi.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Phương Nhung (2020), “Thách thức trong việc bảo đảm quyền của người cao tuổi”, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, số 03.
2. Nguyễn Phương Nhung (2020), “Thực hiện pháp luật về quyền của người cao tuổi”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 10.
3. Nguyễn Phương Nhung (2020), “Digital technology and the rights of the elderly: case study in Vietnam” (Công nghệ số và quyền của người cao tuổi: trường hợp ở Việt Nam), Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Good Governance and Anti - corruption: Opportunities and Challenges in the Era of Digital Technology” ngày 27-28/10.
4. Nguyễn Phương Nhung (2021), “Singapore’s law on the guarantee of the rights of the elderly: practical experience of Vietnam”, *Vietnam Journal of Human Rights Law*, Institute of Human rights - Ho Chi Minh National Academy of politics
5. Nguyễn Phương Nhung (2022), “Pháp luật của Phần Lan về quyền của người cao tuổi - kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật về Quyền con người* - số 03.
6. Nguyễn Phương Nhung (2022), “Pháp luật của Hàn Quốc về quyền của người cao tuổi và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*.
7. Trương Hồ Hải & Nguyễn Phương Nhung (2023), “Pháp luật Nhật Bản về bảo đảm quyền của người cao tuổi trước tác động của già hoá dân số và một số gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 08.
8. Nguyễn Phương Nhung (2023), “Income Security for Older Employees with Disabilities under the Impact of Population Ageing in Vietnam today” (An ninh thu nhập cho người cao tuổi khuyết tật trước tác động của già hoá dân số ở Việt Nam hiện nay) đăng trong sách “Ensuring the rights of persons with disabilities in the sustainable development of Vietnam and other countries of the world”, *Social sciences publishing house*.
9. Nguyễn Phương Nhung (2023), “Già hoá dân số và quyền của người cao tuổi” đăng trong sách *Một số vấn đề nhân quyền hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội.
10. Nguyễn Phương Nhung (2023), “Pháp luật của một số quốc gia về quyền của người cao tuổi và những giá trị tham khảo với Việt Nam”, *Tạp chí nhân lực xã hội*, Học viện Khoa học xã hội.